TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 6 - 2018
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Đăng Huấn.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Phan Thanh T1 – Sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Anh Tuấn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2018, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phan Thanh T1 kết hôn vào ngày 21/3/2007, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì chị và anh Tuấn nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do những va chạm, xích mích giữa mẹ chồng con dâu, dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc và hiện nay hai người đã sống ly thân. Hiện nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung tên là Phan Tiến T2 (Sinh ngày 23/01/2008) và Phan Nguyễn Hoàng T3 (Sinh ngày 04/01/2011). Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành và

không yêu cầu anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về phân chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 16/3/2018, bị đơn anh Phan Thanh T1 trình bày: Anh công nhận chị T trình bày về thời gian kết hôn là đúng thực tế và đầy đủ, anh không có ý kiến trình bày hay bổ sung gì thêm. Giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, từ đó nảy sinh nhiều vấn đề khác. Tuy vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng anh nghĩ chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm cho vợ và muốn cùng chị T chăm sóc, nuôi dạy con. Do đó chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh công nhận anh và chị T có 02 con chung là Phan Tiến T2 và Phan Nguyễn Hoàng T3. Nếu ly hôn anh cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh. Vì anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tốt hơn chị T, bởi vì công việc chị T không ổn định, thu nhập thấp, nhà cửa không có.

Về phân chia tài sản chung: Nếu ly hôn anh không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn là anh Phan Thanh T1. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án T1 đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Thanh T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T đã khởi kiện xin ly hôn anh T1. Như vậy, tranh chấp giữa chị T và anh T1 là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả chị T và anh T1 đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh T1 cho rằng tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên mong muốn được hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 thì thấy rằng giữa chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn. Các lần hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và hiện nay hai người đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Phan Tiến T2 và Phan Nguyễn Hoàng T3, cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến các con của chị T và anh T thì cháu T2 có nguyện vọng được sống cùng bố, cháu T3 có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nếu bố và mẹ ly hôn.

Xét thấy cả chị T anh anh T1 đều có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3 đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, các cháu đã trên bảy tuổi nên có quyền lựa chọn được sống với bố hoặc với mẹ, nên HĐXX căn cứ vào nguyện vọng của các cháu để xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung và giao cháu T2 cho anh T1, giao cháu T3 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về phân chia tài sản chung: Cả chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị T là người có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Thanh T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Hoàng T3 (Sinh ngày 04/01/2011) đến tuổi trưởng thành. Giao cho anh Phan Thanh T1 được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Tiến T2 (sinh ngày 23/01/2008) đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0002451 ngày 01/3/2018.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Bùi Ngọc San

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *UBND xã Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*